

**CÔNG TY TNHH BA ANH EM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BA ANH EM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BA ANH EM VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BA ANH EM VIET NAM Co.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109531577

**3. Ngày thành lập:** 25/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30, ngách 193/44, phố Cầu Cốc, Tổ dân Phố Hạnh, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0388888369

Fax:

Email: duyhoang20102015@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 3.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4634        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641        |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ y tế;</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;</li> <li>- Bán buôn ô dù;</li> <li>- Bán buôn dao, kéo;</li> <li>- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp;</li> <li>- Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp);</li> <li>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;</li> <li>- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;</li> <li>- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi</li> </ul> | 4649 |
| 6. | <p>Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</p> <p>Chi tiết:- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;</p> <p>- Bán buôn phần mềm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651 |
| 7. | <p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</p> <p>Chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn van và ống điện tử;</li> <li>- Bán buôn thiết bị bán dẫn;</li> <li>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;</li> <li>- Bán buôn mạch in;</li> <li>- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);</li> <li>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;</li> <li>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;</li> <li>- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 8. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>: Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>-Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>-Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>-Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; phụ tùng máy móc phục vụ khai thác mỏ...</li> </ul> | 4659 |
| 10. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</li> <li>-Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni;</li> <li>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>-Bán buôn đồ ngũ kim;</li> <li>-Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:</li> <li>-Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663 |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4711 |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4719 |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 15. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4742 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động môi giới, đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4791 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4931 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101 |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4229 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Dây dẫn và thiết bị điện,<br>- Đường dây thông tin liên lạc,<br>- Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>- Đèn vệ tinh,<br>- Hệ thống chiếu sáng,<br>- Chuông báo cháy,<br>- Hệ thống báo động chống trộm, camera giám sát<br>- Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,<br>- Đèn trên đường băng sân bay.                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329 |
| 29. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị vận chuyển bốc dỡ vật liệu;<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí;<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị cân;<br>- Sửa chữa máy dùng để tính;<br>- Sửa chữa máy dùng để cộng, máy thu tiền;<br>- Sửa chữa máy tính có dòng điện hoặc không dòng điện;<br>- Sửa chữa máy chữ;<br>- Sửa chữa máy photocopy.<br>- Sửa chữa máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; | 3312 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9511 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9512 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9521 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7320 |
| 35. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 36. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>-Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế<br>-Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 37. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7990 |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 39. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225 |
| 41. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610 |
| 42. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 43. | Bán buôn tổng hợp<br>(Không bao gồm hoạt động môi giới, đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 44. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ NGỌC SƠN           | Số 30 ngách 193/44, phố Cầu Cốc, tổ dân phố Hạnh, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 900.000.000           | 90,000    | 034085003440                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHÙNG THỊ TUYẾT NHUNG | Số 30 ngách 193/44, phố Cầu Cốc, tổ dân phố Hạnh, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 100.000.000           | 10,000    | 025185000377                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ NGỌC SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 28/01/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034085003440

Ngày cấp: 06/01/2016      Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 30, ngách 193/44, phố Cầu Cốc, Tổ dân Phố Hạnh, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 30, ngách 193/44, phố Cầu Cốc, Tổ dân Phố Hạnh, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội